

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP
MST: 1601228667

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/KTTL-KHĐT

An Giang, ngày 11. tháng 5. năm 2018

Năm báo cáo: 2018

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.

- Năm 2015: Các công trình thực hiện trong năm

- + Công trình nạo vét kênh Cần Thảo (từ QL91 đến kênh 3).
- + Công trình nạo vét kênh Cầu 15 (từ kênh An Lạc đến kênh MCD).
- + Công trình nạo vét kênh Xép Katamboong; kênh Phú Tuyến 2; kênh Bảy Châu Đốc; Rạch Cỏ Lau.
- + Công trình nạo vét kênh Núi Chóc - Năng Gù.
- + Công trình nạo vét kênh Tân Vọng.
- + Công trình nạo vét kênh Nhánh Tây.
- + Công trình nạo vét kênh Nhánh Đông.
- + Công trình nạo vét kênh Vĩnh An.

- Năm 2016: Các công trình thực hiện trong năm

- + Công trình nạo vét kênh Đào (đoạn từ kênh Trà Sư đến kênh Tha La).
- + Công trình nạo vét kênh Chắc Cà Dao (từ Ngọn Cái đến kênh Trường Tiền).
- + Công trình nạo vét kênh T6 (từ kênh Mới đến kênh ranh AG-KG).
- + Công trình nạo vét kênh 15 (từ kênh 2 đến kênh Soài So).
- + Công trình nạo vét đầu vàm kênh T4.
- + Công trình nạo vét kênh ranh An Giang- Kiên Giang.
- + Công trình nạo vét kênh Tân Vọng.
- + Công trình nạo vét sạt lở bờ kênh Ba Thê Mới.

- Năm 2017: Các công trình thực hiện trong năm

+ Công trình nạo vét kênh 23 (từ kênh Vĩnh Tế đến chợ Ba Xoài).

+ Công trình nạo vét kênh mới (từ Sông Tiền đến kênh Bà Quang).

+ Công trình nạo vét kênh ranh Châu Phú – Tịnh Biên (từ kênh Vĩnh Tre đến kênh 10 Châu Phú).

+ Công trình nạo vét kênh ranh Châu Phú – Châu Thành (từ kênh Núi Chóc Năng Gù đến kênh Hào Sương).

+ Công trình nạo vét kênh Long Điền AB (từ sông Ông Chưởng đến cống 8 Xã).

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

Hệ thống thủy lợi thời gian qua đã phát triển đảm bảo các nhiệm vụ cung cấp nước tưới, tiêu nước, chống lũ kết hợp giao thông nông thôn, cấp nước sinh hoạt, cải tạo đất và bố trí dân cư.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thuận lợi: Hoạt động kinh doanh luôn có sự tăng trưởng không ngừng qua các năm, đặc biệt là lĩnh vực khai thác trạm bơm, với việc Bộ Tài Chính cấp bổ sung vốn điều lệ để thực hiện “Đề án phát triển hệ thống trạm bơm điện phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2018-2020” là lĩnh vực Công ty có nhiều thế mạnh, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm giá thành sản xuất cho người dân. Công tác quản lý hệ thống công trình do Công ty thực hiện ngày càng được chuyên môn hóa.

- Khó khăn: Vẫn còn tình trạng vi phạm công trình thủy lợi của người dân; phần lớn các cống vận hành bằng thủ công gây khó khăn nhất là vận hành vào ban đêm; chưa xây dựng được hàng rào bảo vệ, băng cấm...cho khu vực cống nên nhiều hộ dân lân cận còn phơi củi, lúa...và các hành vi lấn chiếm khác.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

- Mục tiêu hoạt động: Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn; áp dụng tiến bộ khoa học vào công tác quản lý, khai thác trạm bơm để giảm chi phí, tăng lợi nhuận.

- Định hướng phát triển:

+ Tiếp tục đầu tư phát triển các công trình sửa chữa, nạo vét các kênh cống, tập trung triển khai các dự án trọng điểm đã được Chủ sở hữu giao.

+ Tiếp tục phối hợp với địa phương nhanh chóng triển khai đầu tư “Đề án phát triển hệ thống trạm bơm điện phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2019-2020”.

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2018)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Tươi, tiêu tự chảy	ha	268.171	268.171	270.874	270.874
b)	Tươi, tiêu tạo nguồn	ha	125.871	125.871	153.574	153.574
c)	Nhiệm vụ kiểm soát lũ	ha	250.000	250.000	252.703	252.703
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	63,124	50,141	53,437	53,458
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,533	3,576	4,561	1,460
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2,012	1,227	1,300	0,567
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	644.042	644.042	677.151	677.151
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	"				
b)	- Vốn vay	"				
c)	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	136	135	200	188
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	8,880	10,428	14,901	14,309
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,502	1,646	1,646	1,646
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	7,378	8,782	13,255	12,663

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: Không.

CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG



Vương Hữu Tường